## BỘ QUỐC PHÒNG

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41/2023/TT-BQP

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023

### THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỨC LƯƠNG CƠ SỞ ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐANG HƯỞNG LƯƠNG HOẶC PHỤ CẤP QUÂN HÀM TỬ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 19/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương của công nhân quốc phòng và chế độ phụ cấp thâm niên đối với viên chức quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số <u>24/2023/NĐ-CP</u> ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số <u>01/2022/NĐ-CP</u> ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bô Quốc phòng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng đang hưởng lương hoặc phụ cấp quân hàm từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan, đon vị thuộc Bộ Quốc phòng.

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng đang hưởng lương hoặc phụ cấp quân hàm từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- 1. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng và công chức quốc phòng.
- 2. Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, Công an nhân dân; người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu; học viên cơ yếu hưởng phụ cấp sinh hoạt phí (sau đây viết tắt là học viên cơ yếu).
- 3. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP).

### Điều 3. Cách tính mức lương, phụ cấp và trợ cấp

- 1. Mức lương cơ sở: 1.800.000 đồng/tháng.
- 2. Cách tính mức lương, phụ cấp quân hàm, hệ số chênh lệch bảo lưu và phụ cấp, trợ cấp của các đối tượng được quy định tại Điều 2 Thông tư này, như sau:
- a) Mức lương

Mức lương thực hiện từ ngày 01/7/2023 = Mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng x Hệ số lương hiện hưởng b) Mức phụ cấp quân hàm hạ sĩ quan, binh sĩ và học viên cơ yếu

Mức phụ cấp quân hàm thực hiện từ ngày = Mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng x Hệ số phụ cấp quân hàm hiện hưởng

c) Mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu

Mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu thực hiện từ ngày 01/7/2023 = Mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng x Hệ số chênh lệch bảo lưu hiện hưởng

d) Mức phụ cấp tính theo mức lương cơ sở

Đối với người hưởng lương

Mức phụ cấp thực hiện từ ngày
01/7/2023 = Mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng x Hệ số phụ cấp được hưởng theo quy

Đối với ha sĩ quan, binh sĩ và học viên cơ yếu

Mức phụ cấp thực hiện từ ngày
01/7/2023 = Mức phụ cấp quân hàm binh nhì (tính theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng)

X Hệ số phụ cấp được hưởng theo quy định

đ) Mức phụ cấp tính theo tỷ lệ %

Đối với người hưởng lương:

Mức phụ cấp thực
hiện từ ngày = 01/7/2023 Mức lương thực
ngày 01/7/2023 Mức phụ cấp chức vụ
Mức phụ cấp thâm niên
từ ngày + lãnh đạo thực hiện từ + vượt khung thực hiện từ x hưởng theo quy định

Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ và học viên cơ yếu:

Mức phụ cấp thực hiện từ ngày 01/7/2023 = Mức phụ cấp quân hàm hiện hưởng, cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) tính theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng x

e) Mức trợ cấp tính theo mức lương cơ sở

Mức trợ cấp thực hiện từ ngày
01/7/2023 = Mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng x Số tháng được hưởng trợ cấp theo quy định

- 3. Các mức lương, phụ cấp, trợ cấp của sĩ quan, người hưởng lương cấp hàm cơ yếu, quân nhân chuyên nghiệp, người hưởng lương chuyên môn kỹ thuật cơ yếu, công nhân quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ và học viên cơ yếu được quy định tại các Bảng của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
- 4. Đối với viên chức quốc phòng, công chức quốc phòng, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động xếp lương theo quy định tại Nghị định số <u>204/2004/NĐ-CP</u> được áp dụng cách tính mức lương, phụ cấp, trợ cấp theo quy định tại khoản 2 Điều này.
- 5. Các khoản phụ cấp, trợ cấp quy định bằng mức tiền cụ thể, giữ nguyên theo quy định hiện hành.

### Điều 4. Tổ chức thực hiện

- 1. Căn cứ vào nội dung hướng dẫn tại Thông tư này, các cơ quan, đơn vị lập bảng lương, phụ cấp, cấp phát cho các đối tượng được hưởng.
- 2. Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư này có quyết định điều động công tác sang cơ quan, đơn vị khác trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành, thì cơ quan, đơn vị tiếp nhận đối tượng căn cứ vào yếu tố ghi trong "Giấy giới thiệu cung cấp tải chính" hoặc "Giấy thôi trả lương" của đơn vị cũ, lập danh sách cấp phát, truy lĩnh phần chênh lệch theo quy định.
- 3. Các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang vận dụng thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương do Nhà nước quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP được áp dụng mức lương cơ sở tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này để tính các mức lương trong hệ thống thang lương, bảng lương và mức phụ cấp lương làm căn cứ tính đóng, hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo quy định của pháp luật về lao động cho các đối tượng được hưởng. Nguồn kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tự bảo đầm.
- 4. Khi cấp phát tiền lương cho các đối tượng được hưởng, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phải tính thu các khoản phải nộp theo quy định của pháp luật hiện hành (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thuế thu nhập cá nhân (nếu có)).
- 5. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng lập các báo cáo theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này gửi về Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính) trước ngày 15 tháng 7 năm 2023 để tổng hợp báo cáo Nhà nước.

### Điều 5. Hiệu lực thi hành

- 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 8 năm 2023; Thông tư số 79/2019/TT-BQP ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng đang hưởng lương hoặc phụ cấp quân hàm từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
- 2. Các chế độ quy định tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.
- 3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản đã được sửa đổi, bổ sung; văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng.

### Điều 6. Trách nhiệm thi hành

- 1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
- 2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính) để nghiên cứu, giải

# KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG

- Nơi nhận: Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);

- Tru tương Chiết phòng (8);
   Lãnh đạo Bộ quốc phòng (8);
   BTTM, TCCT;
   Cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP,
   Qục: Tài chính, Cán bộ, Quân lực, Chính sách;
   Cổng TTĐT Bộ Quốc phòng;
   Vụ Pháp chế BQP,
   Lưu: VT, THBD. TT77.

Thượng tướng Vũ Hải Sản

# PHŲ LŲC I

DANH MỤC BẢNG LƯƠNG, NÂNG LƯƠNG VÀ PHỤ CẮP (Kèm theo Thông tư số 41/2023/TT-BQP ngày 28/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

SÓ TT	TÊN GỌI	NỘI DUNG
1	Bảng 1	Bảng lương cấp bậc quân hàm sĩ quan và cấp hàm cơ yếu
2	Bảng 2	Bảng nâng lương cấp bậc quân hàm sĩ quan và cấp hàm cơ yếu
3	Bảng 3	Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo
		3.1. Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo Quân đội nhân dân
		3.2. Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo Cơ yếu
4	Bảng 4	Bảng phụ cấp quân hàm hạ sĩ quan, binh sĩ và học viên cơ yếu
5	Bảng 5	Bảng lương quân nhân chuyên nghiệp và chuyên môn kỹ thuật cơ yếu
6	Bảng 6	Bảng lương công nhân quốc phòng

Bảng 1 BẢNG LƯƠNG CẤP BẬC QUÂN HÀM SĨ QUAN VÀ CẮP HÀM CƠ YẾU

Đơn vị tính: Đồng

SÓ TT	ĐÓI TƯỢNG	HỆ SỐ	MỨC LƯƠNG THỰC HIỆN từ 01/7/2023
1	Đại tướng	10,40	18.720.000
2	Thượng tướng	9,80	17.640.000
3	Trung tướng	9,20	16.560.000
4	Cấp hàm cơ yếu bậc 10 Thiếu tướng Cấp hàm cơ yếu bậc 9	8,60	15.480.000
5	Đại tá Cấp hàm cơ yếu bậc 8	8,00	14.400.000
6	Thượng tá Cấp hàm cơ yếu bậc 7	7,30	13.140.000
7	Trung tá Cấp hàm cơ yếu bậc 6	6,60	11.880.000
8	Thiếu tá Cấp hàm cơ yếu bậc 5	6,00	10.800.000
9	Đại úy Cấp hàm cơ yếu bậc 4	5,40	9.720.000
10	Thượng úy Cấp hàm cơ yếu bậc 3	5,00	9.000.000
	Trung úy		

11	Cấp hàm cơ yếu bậc 2	4,60	8.280.000
12	Thiếu úy Cấp hàm cơ yếu bậc 1	4,20	7.560.000

Bảng 2 BẢNG NÂNG LƯƠNG CÁP BẬC QUÂN HÀM SĨ QUAN VÀ CẤP HÀM CƠ YẾU

Đơn vị tính: Đồng

		NÂNG	LƯƠNG LẦN 1	N	VÂNG LƯƠNG LÀN 2
SÓ TT	ĐỐI TƯỢNG	Hệ số	Mức lương từ 01/7/2023	Hệ số	Mức lương từ 01/7/2023
1	Đại tướng	11,00	19.800.000	-	-
2	Thượng tướng	10,40	18.720.000	-	-
3	Trung tướng Cấp hàm cơ yếu bậc 10	9,80	17.640.000	-	-
4	Thiếu tướng Cấp hàm cơ yếu bậc 9	9,20	16.560.000	-	-
5	Đại tá Cấp hàm cơ yếu bậc 8	8,40	15.120.000	8,60	15.480.000
6	Thượng tá Cấp hàm cơ yếu bậc 7	7,70	13.860.000	8,10	14.580.000
7	Trung tá Cấp hàm cơ yếu bậc 6	7,00	12.600.000	7,40	13.320.000
8	Thiếu tá Cấp hàm cơ yếu bậc 5	6,40	11.520.000	6,80	12.240.000
9	Đại úy	5,80	10.440.000	6,20	11.160.000
10	Thượng úy	5,35	9.630.000	5,70	10.260.000

# Bảng 3 BẢNG PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO

# 3.1. BẢNG PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	CHỨC DANH LÃNH ĐẠO	HỆ SỐ	MỨC PHỤ CẮP THỰC HIỆN từ 01/7/2023
1	Bộ trưởng	1,50	2.700.000
2	Tổng Tham mưu trưởng; Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị	1,40	2.520.000
	Chủ nhiệm Tổng cục; Tư lệnh Quân khu, Tư lệnh Quân chủng, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng	1,25	2.250.000
4	Tư lệnh Quân đoàn; Tư lệnh Binh chủng	1,10	1.980.000
5	Phó Tư lệnh Quân đoàn; Phó Tư lệnh Binh chủng	1,00	1.800.000
6	Sư đoàn trưởng	0,90	1.620.000
7	Lữ đoàn trưởng	0,80	1.440.000
8	Trung đoàn trưởng	0,70	1.260.000
9	Phó Trung đoàn trưởng	0,60	1.080.000
10	Tiểu đoàn trưởng	0,50	900.000

11	Phó Tiểu đoàn trưởng	0,40	720.000
12	Đại đội trưởng	0,30	540.000
13	Phó Đại đội trưởng	0,25	450.000
14	Trung đôi trưởng	0,20	360.000

# 3.2. BẢNG PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CƠ YẾU

Đơn vị tính: Đồng

SÓ TT	CHỨC DANH LÃNH ĐẠO	HỆ SỐ	MỨC PHỤ CẮP THỰC HIỆN từ 01/7/2023
1	Trưởng Ban Cơ yếu Chính phủ	1,30	2.340.000
2	Phó trưởng Ban Cơ yếu Chính phủ	1,10	1.980.000
3	Cục trưởng, Vụ trưởng, Chánh Văn phòng và tương đương thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ	0,90	1.620.000
4	Phó Cục trưởng, Phó Vụ trưởng, Phó Chánh Văn phòng và tương đương thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ	0,70	1.260.000
5	Trưởng phòng và tương đương của các đơn vị thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ	0,50	900.000
6	Phó Trưởng phòng và tương đương của các đơn vị thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ	0,40	720.000
7	Trưởng ban hoặc Đội trưởng cơ yếu đơn vị và tương đương của các tổ chức thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ	0,20	360.000

Bảng 4 BẢNG PHỤ CẤP QUÂN HÀM HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ VÀ HỌC VIÊN CƠ YẾU

Đơn vị tính: Đồng

Số ΤΤ	ĐỐI TƯỢNG	HỆ SỐ	MỨC PHỤ CẮP THỰC HIỆN từ 01/7/2023
	Thượng sĩ	0.70	4 200 000
1	Học viên cơ yếu năm thứ năm	0,70	1.260.000
	Trung sĩ	0.00	4 000 000
2	Học viên cơ yếu năm thứ tư	0,60	1.080.000
	Hạ sĩ	0.50	000 000
3	Học viên cơ yếu năm thứ ba	0,50	900.000
l ,	Binh nhất	0.45	040.000
4	Học viên cơ yếu năm thứ hai	0,45	810.000
5	Binh nhì	0,40	720.000
	Học viên cơ yếu năm thứ nhất	0,40	120.000

Bảng 5 BẢNG LƯƠNG QUÂN NHÂN CHUYỀN NGHIỆP VÀ CHUYỀN MÔN KỸ THUẬT CƠ YẾU

Đơn vị tính: Đồng

BẬC LƯƠNG													
CHỨC DANH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	vĸ
I. Quân nhân ch	Quân nhân chuyên nghiệp và chuyên môn kỹ thuật cơ yếu cao cấp												
Nhóm 1													
- Hệ số	3,85	4,20	4,55	4,90	5,25	5,60	5,95	6,30	6,65	7,00	7,35	7,70	VK
- Mức lương thực hiện từ 01/7/2023	6.930.000	7.560.000	8.190.000	8.820.000	9.450.000	10.080.000	10.710.000	11.340.000	11.970.000	12.600.000	13.230.000	13.860.000	

- Hệ số	3,65	4,00	4,35	4,70	5,05	5,40	5,75	6,10	6,45	6,80	7,15	7,50	VK
- Mức lương thực hiện từ 01/7/2023	6.570.000	7.200.000	7.830.000	8.460.000	9.090.000	9.720.000	10.350.000	10.980.000	11.610.000	12.240.000	12.870.000	13.500.000	
II. Quân nhân c	huyên nghiệ	o và chuyên	môn kỹ thuật	cơ yếu trung	g cấp								
Nhóm 1													
- Hệ số	3,50	3,80	4,10	4,40	4,70	5,00	5,30	5,60	5,90	6,20	VK		
- Mức lương thực hiện từ 01/7/2023	6.300.000	6.840.000	7.380.000	7.920.000	8.460.000	9.000.000	9.540.000	10.080.000	10.620.000	11.160.000			
Nhóm 2													
- Hệ số	3,20	3,50	3,80	4,10	4,40	4,70	5,00	5,30	5,60	5,90	VK		П
- Mức lương thực hiện từ 01/7/2023	5.760.000	6.300.000	6.840.000	7.380.000	7.920.000	8.460.000	9.000.000	9.540.000	10.080.000	10.620.000			
III. Quân nhân d	chuyên nghiệ	p và chuyên	môn kỹ thuậ	t cơ yếu sơ c	á́p								
Nhóm 1													
- Hệ số	3,20	3,45	3,70	3,95	4,20	4,45	4,70	4,95	5,20	5,45	VK		
- Mức lương thực hiện từ 01/7/2023	5.760.000	6.210.000	6.660.000	7.110.000	7.560.000	8.010.000	8.460.000	8.910.000	9.360.000	9.810.000			
Nhóm 2													
Hệ số	2,95	3,20	3,45	3,70	3,95	4,20	4,45	4,70	4,95	5,20	VK	·	
- Mức lương thực hiện từ 01/7/2023	5.310.000	5.760.000	6.210.000	6.660.000	7.110.000	7.560.000	8.010.000	8.460.000	8.910.000	9.360.000			

# BẰNG 6 BẰNG LƯỚNG CÔNG NHÂN QUỐC PHÒNG

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Nhóm	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9	Bậc 10
	Nhóm 1										
	Hệ số	3,50	3,85	4,20	4,55	4,90	5,25	5,60	5,95	6,30	6,65
	- Mức lương thực hiện từ 01/7/2023	6.300.000	6.930.000	7.560.000	8.190.000	8.820.000	9.450.000	10.080.000	10.710.000	11.340.000	11.970.000
LOẠI A	Nhóm 2										
	Hệ số	3,20	3,55	3,90	4,25	4,60	4,95	5,30	5,65	6,00	6,35
	- Mức lương thực hiện từ 01/7/2023	5.760.000	6.390.000	7.020.000	7.650.000	8.280.000	8.910.000	9.540.000	10.170.000	10.800.000	11.430.000
	Hệ số	2,90	3,20	3,50	3,80	4,10	4,40	4,70	5,00	5,30	5,60
LOẠI B	- Mức lương thực hiện từ 01/7/2023	5.220.000	5.760.000	6.300.000	6.840.000	7.380.000	7.920.000	8.460.000	9.000.000	9.540.000	10.080.000
	Hệ số	2,70	2,95	3,20	3,45	3,70	3,95	4,20	4,45	4,70	4,95
LO∳I C	- Mức lương thực hiện từ 01/7/2023	4.860.000	5.310.000	5.760.000	6.210.000	6.660.000	7.110.000	7.560.000	8.010.000	8.460.000	8.910.000

# PHŲ LŲC II

DANH MỤC MẪU BIỀU BÁO CÁO (Kèm theo Thông tư số 41/2023/TT-BQP ngày 28/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Số TT	MÃU BIỂU	NỘI DUNG
1	Mẫu 01	Báo cáo dự toán ngân sách tiền lương, phụ cấp tăng thêm năm 2023
2	Mẫu 02	Báo cáo dự toán ngân sách ra quân tăng thêm năm 2023
3	Mẫu 03	Báo cáo dự toán ngân sách đóng bảo hiểm xã hội tăng thêm năm 2023
4	Mẫu 04	Báo cáo dự toán ngân sách đóng bảo hiểm y tế tăng thêm năm 2023

# Mẫu 01: Báo cáo dự toán ngân sách lương, phụ cấp tăng thêm năm 2023

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN ĐƠN VỊ:	BAO CAO					
	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TIÈN LƯƠNG, PHỤ CẮP TĂNG THÊM NĂM 2023					
*****	(Do điều chỉnh tiền lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng/tháng)					
MẬT						
	Đơn vị tính: Triệu đồng					

Đối tượng	Quân số	cơ sở 1.80	ong tính the 0.000 đồng/t		Tổng quỹ lương tính theo lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng			Chênh lêch
		Lương chính	Các khoản phụ cấp	Cộng	Lương chính	Các khoản phụ cấp	Cộng	tăng thểm
а	b	1	2	3 = 1+2	4	5	6 = 4 + 5	7 = 3 - 6
1. Sĩ quan và cấp hàm cơ yếu								
2. Quân nhân chuyên nghiệp và chuyên môn kỹ thuật cơ yếu								
3. Công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, công chức quốc phòng, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu								
4. Hạ sĩ quan, binh sĩ và học viên cơ yếu								
Tổng công								

Bằng chữ: .....

**TRƯỜNG PHÒNG (BAN) TÀI CHÍNH** (Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày ..... tháng .... năm 2023 THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ (Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 02: Báo cáo dự toán ngân sách ra quân tăng thêm năm 2023

ĐƠN VỊ CẮP TRÊN <b>ĐƠN V</b> Ị:	BÁO CÁO
	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH RA QUÂN TĂNG THÊM NĂM 2023
*****	(Do điều chỉnh tiền lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng/tháng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Tính theo lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng					Tính theo lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng						
Đối tượng	Quân số	Trợ cấp quy đổi	Trợ cấp phục viên, xuất ngũ, thôi việc	Trợ cấp tạo việc làm	Trợ cấp khác	Cộng	Trợ cấp quy đổi	Trợ cấp phục viên, xuất ngũ, thôi việc	Trợ cấp tạo việc làm	Trợ cấp khác	Cộng	Chênh lệch tăng thêm
а	b	1	2	3	4	5 = 1+2+3+4	6	7	8	9	10 = 6+7+8+9	11= 5-10
1. Sĩ quan và cấp hàm cơ yếu												
2. QNCN và chuyên môn kỹ thuật cơ yếu												
<ol> <li>Công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, công chức quốc phòng, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu</li> </ol>												

Tổng cộng							
Ghi chú: Cột 4 và cột 9 ghi dự toán g rần	jiải quyết chế đ	ộ theo Thông tư số	157/2013/TT-BQP, nghỉ	hưu trước	hạn tuổi cao	o nhất, hy sinh, từ	
Bằng chữ:							
<b>TRƯỜNG PHÒNG (</b> (Ký và ghi rử	<b>(BAN) TÀI CHÍ</b> I ố ho, tên)	NH	Nga <b>1</b>	HỦ TRƯC	ng năm 2 N <b>NG ĐƠN V</b> ị đóng dấu)	023 !	
, ,	,	pán ngân sách đón	g bảo hiểm xã hội tăr				
	-	•		ÁO CÁO			
ĐƠN VỊ CẮP TRÊN <b>ĐƠN V</b> Ị:		DUTOÁNA			Ă LIĜI TĂNO	TUĈIA NIĂRA 0000	
•		•	NGÂN SÁCH ĐÓNG BẢ		-		
		(Do aleu chi	nh tiền lương cơ sở từ 1	1.490.000 (	dong len 1.80		
						Đơn vị tính: Triệu đồng	
	Tổng		n căn cứ đóng bảo hiể hôi	èm Quỹ	lương	Dự toán ngân sách	
Đối tượng			Tính theo lương cơ s 1.490.000 đồng/thán	chênh sở th		đóng bảo hiểm xã hộ tăng thêm	
а		1	2	3:	=1-2	4	
I. ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LƯƠNG NO SÁCH	GÂN						
1. Sĩ quan và cấp hàm cơ yếu							
2. QNCN và chuyên môn kỹ thuật co	y yếu						
3							
Tổng cộng							
Ghi chú: Cột 4 được tính bằng công : Bằng chữ:	thức: (4) = (3)	x 22,5% (đối với hạ	sĩ quan, binh sĩ) hoặc (4	) = (3) x 17	7,5% (đối vớ	i người hưởng lương).	
<b>TRƯỞNG PHÒNG (</b> (Ký và ghi ró		NH		HỦ TRƯC	ng năm 2 Y <b>NG ĐƠN V</b> ị đóng dấu)		
Mẫu 04	l: Báo cáo dự	toán ngân sách đó	ng bảo hiểm y tế tăng	ı thêm năı	m 2023		
ĐƠN VỊ CẮP TRÊN			BÁ	ÁO CÁO			
ĐƠN VỊ:		DỰ TOÁN	NGÂN SÁCH ĐÓNG BA	ẢO HIỂM Y	Y TÉ TĂNG '	THÊM NĂM 2023	
		•	ình tiền lương cơ sở từ 1				
		( - 2			J	Đơn vị tính: Triệu đồng	
		Tổng quỹ tiền l	ương làm căn cứ đón	g bảo	Our lunes		
Đối tượng		Tinh (b)	hiếm y tế		Quỹ lương chênh lệch	n dóng bảo hiểm y	
		Tinh theo lường	cơ sở Tính theo lươn háng 1,490,000 đồng	g cơ sớ n/tháng	tăng thêm	tế tăng thêm	

Đối tượng		làm căn cứ đóng bảo ı y tế		Dự toán ngân sách đóng bảo hiểm y tế tăng thêm	
		Tính theo lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng	chênh lệch tăng thêm		
а	1	2	3=1-2	4	
. ĐƠN VỊ HƯỞNG LƯƠNG NS					

1. Sĩ quan và cấp hàm cơ yếu		
2. QNCN và chuyên môn kỹ thuật cơ yếu		
3		
II. DOANH NGHIỆP		
1. Sĩ quan và cấp hàm cơ yếu		
2. QNCN và chuyên môn kỹ thuật cơ yếu		
3		
Tổng cộng	_	

Ghi chú: Cột 4 được tính bằng công thức: (4)=(3)x3% (công nhân QP, viên chức QP, công chức QP, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu, lao động hợp đồng) hoặc (4)=(3)x4,5% (đối tượng khác).

Bằng chữ:

TRƯỞNG PHÒNG (BAN) TÀI CHÍNH (Ký và ghi rõ họ, tên) Ngày ..... tháng .... năm 2023 THỦ TRƯỜNG ĐƠN VỊ (Ký tên, đóng dấu)